

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN GELEX
GELEX Group Joint Stock Company

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số / No.: 94/2025/GELEX/BC-TP
V/v: Báo cáo định kỳ về tình hình tài chính
Re: Periodic Disclosure of Financial Status

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025
Hanoi, dated 27. March 2025

Kính gửi / To: - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội / Hanoi Stock Exchange;
- Những Người sở hữu Trái phiếu / Bondholders.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

Pursuant to Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 6, 2024, issued by the Ministry of Finance, which provides guidance on the information disclosure and reporting regime on the private placement and trading of corporate bonds in the domestic market and the offering of corporate bonds in international markets, GELEX Group Joint Stock Company provides periodic disclosure of financial status as follows:

1. Thông tin doanh nghiệp / Company Information

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
Company Name: GELEX Group Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp / Business Registration Number: 0100100512
Cấp lần đầu ngày 01/12/2010 bởi Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội
First registered on 1 December 2010 by the Hanoi authority of planning and investment
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Head Office Address: No. 52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam
- Số điện thoại / Phone Number: 024.39726245/6
- Số fax giao dịch / Fax Number: 024.39726282
- Địa chỉ thư điện tử / Email: gelex@gelex.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
Type of Company: Joint Stock Company
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng.
Main Business line: Manufacturing and trading electrical equipment for industrial, agricultural, and residential use.



- Mã số thuế / Tax Identification Number: 0100100512

2. Tình hình tài chính / Financial Status

- Kỳ báo cáo: báo cáo năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)
Reporting Period: annual report (from January 1, 2024, to December 31, 2024)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ (theo BCTC hợp nhất):
Key financial indicators for the period (according to the consolidated financial statements):

STT / No.	Chỉ tiêu / Indicator	Kỳ báo cáo / Current Period	Kỳ trước / Previous Period
		(31/12/2024)	(31/12/2023)
1	- Vốn chủ sở hữu (đồng): Owner's Equity (VND)	23.257.960.536.946	21.223.758.403.105
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <i>Owner's Investment Capital</i>	8.594.297.930.000	8.514.957.930.000
	Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế <i>Funds Appropriated from After-Tax Profit</i>	655.599.859.290	431.805.225.152
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>Undistributed After-Tax Profit</i>	3.952.152.891.868	2.616.328.460.133
	Chênh lệch tỷ giá <i>Exchange Rate Difference</i>	14.587.980.358	4.094.954.639
2	Tổng số nợ phải trả (đồng) Total Liabilities (VND)	30.524.357.681.876	33.853.117.241.346
	Nợ vay ngân hàng <i>Bank Loans</i>	15.302.920.886.378	18.226.312.902.188
	Nợ vay từ phát hành trái phiếu <i>Debt from Bond Issuance</i>	1.136.440.079.169	1.729.103.095.011
	Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước <i>Privately Placement Bonds in the Domestic Market</i>	1.136.440.079.169	1.729.103.095.011
	Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước <i>Publicly Offered Bonds in the Domestic Market</i>		
	Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế <i>Bonds Offered in the International Market</i>		
	Nợ phải trả khác <i>Other Liabilities</i>	14.084.996.716.329	13.897.701.244.147
3	Cơ cấu vốn (lần): Capital Structure (times):		
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản <i>Debt-to-Total Assets Ratio</i>	0,57	0,61
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu <i>Debt-to-Equity Ratio</i>	1,31	1,60
4	Khả năng thanh toán (lần): Solvency Ratio (times):		

100
NG
PH
ĐC
LI
UNG

STT / No.	Chỉ tiêu / Indicator	Kỳ báo cáo / Current Period	Kỳ trước / Previous Period
		(31/12/2024)	(31/12/2023)
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) <i>Current Ratio (Short-term Assets / Short-term Liabilities)</i>	1,34	1,09
	Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn) <i>Quick Ratio ((Short-term Assets – Inventory) / Short-term Liabilities)</i>	0,83	0,64
	Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay) <i>Interest Coverage Ratio (Earnings Before Interest and Taxes / Interest Expenses)</i>	4,35	2,01
5	Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần): <i>Issued Bond Debt / Equity Ratio (times)</i>		
	Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu <i>Total Corporate Bond Debt / Equity Ratio</i>	0,05	0,08
	Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu <i>Private Corporate Bond Debt / Equity Ratio</i>	0,05	0,08
6	Lợi nhuận / Profit		
	Lợi nhuận/Lỗ trước thuế <i>Profit/Loss Before Tax</i>	3.612.833.298.357	1.396.982.986.903
	Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính <i>Profit/Loss After Tax for the Financial Year</i>	2.669.330.468.694	863.884.246.392
	Lỗ lũy kế (nếu có) <i>Accumulated Loss (if any)</i>		
7	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%): <i>Profitability Indicators (%):</i>		
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản <i>Return on Assets (ROA) (After-Tax Profit / Total Assets)</i>	4.96%	1.57%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu <i>Return on Equity (ROE) (After-Tax Profit / Equity)</i>	11.48%	4.07%
8	Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Không quy định <i>Not specified</i>	Không quy định <i>Not specified</i>

512-
TY
AN
AN
EX
-TP-P

STT / No.	Chỉ tiêu / Indicator	Kỳ báo cáo / Current Period	Kỳ trước / Previous Period
		(31/12/2024)	(31/12/2023)
	(doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) <i>Capital Adequacy Ratio as per Industry Laws</i>		

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Auditor's Opinion on the Reviewed Semi-Annual Financial Statements/Audited Annual Financial Statements by a Qualified Auditing Firm: According to the opinion of the auditing firm, Deloitte Vietnam Company Limited, the consolidated financial statements fairly and accurately present, in all material respects, the consolidated financial position of the Company as of December 31, 2024, as well as the consolidated financial performance and consolidated cash flows for the financial year then ended, in accordance with accounting standards, the Vietnamese enterprise accounting regime, and relevant legal regulations regarding the preparation and presentation of consolidated financial statements.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

We commit to taking full legal responsibility for the content and accuracy of the disclosed information.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Prepared by

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

*Legal Representative or Authorized Person
or Authorized Information Disclosure Representative*



LÊ TUẤN ANH

Tài liệu kèm theo bao gồm / Attached Documents:
Báo cáo tài chính năm 2024 / 2024 Annual Financial Report.